

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **111** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **24** tháng **6** năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2024 - 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2024 - 2025, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Luật Giá ngày 19/6/2023;

Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ ban hành quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Tại điểm a, khoản 2, Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi

phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khung học phí năm học 2022-2023 để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí; Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định*”;

Tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định: “*... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định cụ thể thời gian thu, mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định thời gian thu, mức học phí trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng*”;

Tại điểm a, khoản 1, Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định: “*Đối với cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương*”.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực tế, mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được thực hiện theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, sau 07 năm chưa được điều chỉnh tăng theo chỉ số giá tiêu dùng hàng năm đây là khó khăn cho việc tăng thu của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục.

Vì vậy, việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học

2024 - 2025 để thay thế cho mức thu học phí áp dụng từ năm học 2017-2018 đến nay là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2024 - 2025 nhằm bảo đảm tính pháp lý cho các cơ sở giáo dục công lập thực hiện thu học phí và làm cơ sở để các cơ sở giáo dục xây dựng phương án giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục giai đoạn 2023-2025 thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Quan điểm

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2024 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên; học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (*sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập*) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

c) Các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ vào các văn bản pháp lý có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, tiến hành soạn thảo dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2024 - 2025.

2. Tổ chức lấy ý kiến trong giáo viên, cán bộ quản lý toàn ngành giáo dục, đại diện hội cha mẹ học sinh các cơ sở giáo dục.

3. Tổ chức lấy ý kiến của các Sở, Ban ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã thành phố tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết.

4. Đăng tải toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết lên Chuyên mục: “*Lấy ý kiến vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật*” trên Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

5. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định theo đúng quy phạm pháp luật để hoàn thiện dự thảo.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 5 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Phân loại các vùng trên địa bàn để làm cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí.

Điều 3. Mức thu học phí .

Điều 4. Quy định thu học phí trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2024 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên; học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (*sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập*) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

c) Các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Phân loại vùng trên địa bàn làm cơ sở áp dụng mức thu học phí

Các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được phân loại thành các vùng để làm cơ sở áp dụng mức thu học phí, cụ thể gồm các vùng: thành thị; nông thôn; vùng dân tộc thiểu số và miền núi; vùng bãi ngang ven biển. Việc phân loại các xã, phường, thị trấn theo các vùng có tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Vùng bãi ngang ven biển áp dụng mức thu học phí như đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Trường hợp có biến động về phân loại khu vực hoặc văn bản của nhà nước có thay đổi thì thực hiện theo sự biến động và các quy định tại văn bản nhà nước mới ban hành.

Điều 3. Mức thu học phí

1. Mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

TT	Cơ sở giáo dục	Vùng		
		Thành thị	Nông thôn	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi
1	Mầm non	165.000	66.000	33.000
2	Tiểu học	120.000	48.000	24.000
3	Trung học cơ sở	120.000	48.000	24.000
4	Trung học phổ	150.000	60.000	30.000

TT	Cơ sở giáo dục	Vùng		
		Thành thị	Nông thôn	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi
	thông			

Vùng thành thị, nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi quy định tại khoản này áp dụng đối với các vùng được phân loại theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Việc quy định mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập làm căn cứ để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và thuộc đối tượng miễn, giảm học phí theo quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 8 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

2. Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (*Online*)

Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (*Online*) bằng 50% mức thu học phí học trực tiếp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Quy định thu học phí trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng

1. Không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học.

2. Đối với các tháng có thời gian dạy học thực tế (*bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường*) không đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau: Trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 14 ngày (*bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật*) thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng; trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu đủ tháng. Mức thu tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế (*trực tiếp/trực tuyến*) có thời lượng học tập nhiều hơn. Đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí không vượt quá 9 tháng/năm học.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu học phí từ năm học 2024-2025 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Tăng cường công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học, không để xảy ra việc lạm thu và tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định của các trường; công tác thu, chi tài chính phải công khai, minh bạch và sử dụng đúng mục đích.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Thời gian thực hiện mức thu học phí: Từ năm học 2024-2025.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN (NẾU CÓ): Không.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ):

1. Về tên Dự thảo Nghị quyết: Tên Dự thảo Nghị quyết có sự điều chỉnh so với Kế hoạch, cụ thể:

- Tên Dự thảo Nghị quyết theo Kế hoạch: “*Nghị quyết quy định về mức thu, cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*”.

- Tên Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh: “*Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2024 - 2025*”.

- Giải trình lý do điều chỉnh:

+ Bổ cụm từ: “*Cơ chế thu, quản lý học phí*”: Đã được quy định tại Điều 12 “*Thu học phí*” và Điều 13 “*Quản lý và sử dụng học phí*” của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

+ Bổ sung cụm từ: “*chưa tự đảm bảo chi thường xuyên*”: Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu ý kiến và điều chỉnh trên cơ sở văn bản tham gia ý kiến của Sở Tài chính (Công văn số 1246/STC-QLG&CS ngày 12/6/2024).

+ Bổ sung cụm từ: “*phân loại vùng*”: Được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 9 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với*

cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí” và văn bản tham gia ý kiến của Sở Tư pháp (Công văn số 1047/STP-XD&KTVBQPPL ngày 11/6/2024) trên cơ sở pháp lý quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 và Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025.

2. Dự thảo Nghị quyết đã bám sát quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, mức thu học phí xây dựng trong dự thảo bằng với mức thu học phí năm học 2021 - 2022 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên.

Mức thu học phí đề xuất tại dự thảo áp dụng mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ tuy nhiên sau khi lấy ý kiến các sở ban ngành và trong giáo viên, cán bộ quản lý toàn ngành giáo dục, đại diện hội cha mẹ học sinh các cơ sở giáo dục nhiều ý kiến cho rằng mức tăng học phí đột biến so với mức thu hiện nay khó khăn cho phụ huynh học sinh. Tuy nhiên, ngày 31/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 1: *“Đối với cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương”.*

Vì vậy, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất mức thu học phí bằng với mức thu học phí năm học 2021-2022 và bổ sung thêm quy định mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập bằng với mức thu học phí đối với giáo dục trung học cơ sở để làm căn cứ để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập ở các địa bàn chưa đủ trường

tiểu học công lập và thuộc đối tượng miễn, giảm học phí theo quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 8 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

3. Việc tính toán mức thu học phí học trực tuyến (*Online*) bằng 50% mức thu học phí học trực tiếp của các cơ sở giáo dục công lập được xác định trên cơ sở số thu học phí chỉ là một phần nhỏ trong nguồn kinh phí của các cơ sở giáo dục và chủ yếu được sử dụng cho chi phí tiền lương của giáo viên.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2024 - 2025, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết; Bản tổng hợp, giải trình, ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản sao ý kiến góp ý)./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, KGVX. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng



Phụ lục:

PHÂN LOẠI VÙNG THÀNH THỊ, NÔNG THÔN, DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, BÃI NGANG VEN BIỂN

(Kèm theo Tờ trình số **111** /TĐT-UBND ngày **24** / **01** /2024 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Thành thị	Nông thôn	Vùng			Vùng bãi ngang ven biển
				Vùng dân tộc thiểu số và miền núi			
				Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	
1	Huyện Vĩnh Linh (18)	Thị trấn Hồ Xá, Cửa Tùng, Bến Quan (3)	Xã Kim Thạch, Vĩnh Thủy, Hiền Thành, Trung Nam, Vĩnh Lâm, Vĩnh Tú, Vĩnh Hòa, Vĩnh Giang, Vĩnh Sơn, Vĩnh Cháp, Vĩnh Thái, Vĩnh Long (12)	Xã Vĩnh Hà (1)	Xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê (2)		
2	Huyện Gio Linh (17)	Thị trấn Gio Linh, Cửa Việt (2)	Xã Gio An, Phong Bình, Trung Sơn, Trung Hải, Gio Mỹ, Gio Quang, Linh Hải, Gio Sơn, Gio Châu, Hải Thái, Gio Mai, Trung Giang, Gio Việt (13)		Xã Linh Trường (1)	Xã Gio Hải (1)	
3	Thành phố Đông Hà (9)	Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5, Đông Lương, Đông Lễ, Đông Thanh, Đông Giang (9)					
4	Thị xã Quảng Trị (5)	Phường 1, Phường 2, Phường 3,	Xã Hải Lệ (1)				

TT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Vùng						Vùng bãi ngang ven biển	
		Thành thị	Nông thôn	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi					
				Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III			
		Phường An Đôn (4)							
5	Huyện Triệu Phong (18)	Thị trấn Ái Tử (1)	Xã Triệu Đại, Triệu Trạch, Triệu Thành, Triệu Thuận, Triệu Giang, Triệu Phước, Triệu Sơn, Triệu Trung, Triệu Thượng, Triệu Tài, Triệu Ái, Triệu Hòa, Triệu Long, Triệu An, Triệu Lăng, Triệu Vân, Triệu Độ (17)						
6	Huyện Hải Lăng (16)	Thị trấn Diên Sanh (1)	Xã Hải Quý, Hải Định, Hải Quế, Hải Sơn, Hải Phong, Hải Trường, Hải Ba, Hải Chánh, Hải Hưng, Hải Lâm, Hải Phú, Hải Thượng, Hải Dương (13)						Xã Hải An, Hải Khê (2 xã)
7	Huyện Cam Lộ (8)	Thị trấn Cam Lộ (1)	Xã Thanh An, Cam Hiếu, Cam Thành, Cam Thủy, Cam Tuyên, Cam Chính, Cam Nghĩa (7)						
8	Huyện Đakrông (13)		Xã Triệu Nguyên (1)		Xã Ba Lòng (1)		Thị trấn Krông Klang; xã Ba Nang, Tà Long, Húc Nghi, A Bung, Tà Rút, Hướng Hiệp, A Ngo, A		

TT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Thành thị	Nông thôn	Vùng			Vùng bãi ngang ven biển
				Vùng dân tộc thiểu số và miền núi			
				Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	
						Vao, Đakrông, Mò Ó (11)	
9	Huyện Hướng Hóa (21)		Thị trấn Khe Sanh, thị trấn Lao Bảo; xã Tân Hợp, Tân Long, Tân Liên, Tân Thành (6)	Xã Tân Lập (1)		Xã Thuận, Ba Tầng, Hướng Phùng, A Dơi, Húc, Hướng Lập, Hướng Linh, Hướng Lộc, Hướng Sơn, Hướng Tân, Hướng Việt, Thanh, Lìa, Xy (14)	
10	Huyện Đảo Cồn Cỏ (1)						Đảo Cồn cỏ
	Cộng (126)	13 phường, 8 thị trấn	67 xã, 2 thị trấn	1 xã	2 xã	27 xã, 1 thị trấn	3 xã, 1 đảo